

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/DSST-HNGĐ

Ngày: 28 - 4 - 2023

V/v ly hôn giữa bà N và ông T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Công Thắm

2. Ông Trần Đức Hào

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai An - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 341/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982; Nơi ĐKNKTT: khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; Nơi ở hiện nay: xóm A, xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Duy T, sinh năm 1972; Nơi ĐKNKTT: khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Duy T đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Hai bên tiến hành đăng ký kết hôn vào ngày vào ngày 13/01/2003 tại UBND xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ ông T tại khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh

hiều mâu thuẫn kéo dài và trầm trọng nhất từ năm cuối năm 2020 cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã từng được gia đình hai bên hòa giải nhưng không cải thiện được. Đến tháng 04/2021 thì vợ chồng sống ly thân, bà N đã chuyển ra ngoài thuê trọ sinh sống tại xóm 3, xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An cho đến nay. Nay bà N thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm thực sự không còn, không thể sống chung với nhau được nữa nên bà N làm đơn xin được ly hôn với ông Võ Duy T.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống bà N, ông T có một con chung tên là Võ Duy M – sinh ngày 13/3/2013. Từ khi sống ly thân thì con chung đều sống với ông T và ông bà nội tại khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nay ly hôn, do bà hiện tại đang phải thuê trọ, thu nhập không ổn định nên bà có nguyện vọng giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Bà N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Duy T vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án không thể xem xét ý kiến, nguyện vọng của ông T được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Về thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tổng đạt các văn bản cho các đương sự tham tố tụng thực hiện đúng quy định bảo đảm quyền lợi nghĩa vụ của họ. Thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Duy T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Võ Duy M, sinh ngày 13/3/2013 cho ông Võ Duy T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn ông Võ Duy T có ĐKNKTT và nơi ở hiện nay tại khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về việc vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Ngày 14/10/2022, Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Võ Duy T. Sau khi thụ lý, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Võ Duy T theo đúng quy định tại các Điều 196, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Võ Duy T là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N kết hôn với ông Võ Duy T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An vào ngày 13 tháng 01 năm 2003. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông T là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét quá trình chung sống giữa bà N và ông T thấy rằng: Trong quá trình chung sống bà N và ông T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà N và ông T đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 cho đến nay không có trách nhiệm gì với nhau. Như vậy, có thể khẳng định cuộc sống hôn nhân giữa bà N và ông T trên thực tế không còn tồn tại, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị N là phù hợp pháp luật nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Võ Duy T.

[2.2]. Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung tên là Võ Duy M, sinh ngày 13/3/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N đồng ý giao con chung cho ông Võ Duy T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con chung cho ai nuôi cần phải xem xét vào quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, thuận lợi trong việc chăm sóc, giáo dục con và phù hợp về sự phát triển tâm sinh lý của các cháu. Mặc dù ông T vắng mặt không xem xét được ý kiến, nguyện vọng của ông T về việc nuôi con chung nhưng xét trên thực tế, ông T hiện có nơi ở ổn định tại khối 11, phường Đ, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Từ khi bà N và ông T sống ly thân cho đến nay thì cháu Võ Duy M đều sinh sống cùng với ông T. Xét về giới tính thì cháu Võ Duy M là con trai nên cần ở với bố sẽ phù hợp về độ tuổi phát triển tâm sinh lý của các cháu hơn. Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu M thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với bố là Võ Duy T. Do đó cần giao con chung Võ Duy M cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị N đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Hội đồng xét xử thấy rằng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con. Do đó cần buộc bà N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi trưởng thành.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207, Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Duy T.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Võ Duy M, sinh ngày 13/3/2013 cho ông Võ Duy T trực tiếp nuôi dưỡng trưởng thành.

Bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng ông T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) kể từ tháng 05/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số 0010332 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- UBND xã H, h. Hưng Nguyên, Nghệ An
(Đăng ký kết hôn số 02 ngày 13/01/2003);
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hoa